

Bản án số: 14/2020/DS-PT

Ngày: 27 - 02 - 2020

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng Phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nữ

- Các Thẩm Phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26 /2020-TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09 /2020-QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: ấp BS, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: ấp BS, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn B có đơn kháng cáo

(Các đương sự B, L, H, Thu H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình thực hiện các trình tự tố tụng, và tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Đỗ Văn B trình bày:

Vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị L (là cha mẹ ruột của chị H) diện tích đất 4.783 m² thuộc thửa số 571 tờ bản đồ số 14 (cũ) xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010, và đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền, được UBND huyện XL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/12/2011.

Năm 2014, anh B và chị H đăng ký làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và được UBND huyện X L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/6/2014 với diện tích là 4.838,7 m² thuộc thửa số 40 tờ bản đồ số 95 (mới) xã XT. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình anh B và gia đình ông Ph cùng làm trại chăn nuôi heo trên đất ở phía sau của mỗi bên (ông Ph và bà L vẫn còn lại một diện tích đất giáp ranh đất của anh B và chị H). Phía giáp ranh đất giáp với đất ông Ph, anh B làm hàng rào bằng trụ bê tông, lưới B40 lùi vào phía trong ranh đất của anh B 2m để chừa ra 2m ngang đất này làm lối đi chung 4m với ông Ph (ông Ph cũng lùi vào 2m), hai gia đình đi vào trại heo ở phía sau đất.

Gia đình anh B sinh sống trên đất và chăn nuôi heo được một thời gian, đến năm 2015 thì gia đình anh B không chăn nuôi và sinh sống trên đất nữa mà chuyển về xã X T làm ăn, sinh sống, thỉnh thoảng anh B chỉ đến thăm đất. Theo anh B được biết thì khoảng cuối năm 2016, ông Ph và bà L chuyển nhượng phần đất còn lại thuộc thửa số 40 tờ bản đồ số 95 xã X T giáp ranh đất của anh cho vợ chồng ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị Thu H. Vào khoảng tháng 8/2017, anh B vào thăm đất thì thấy ông L và bà Thu H lấn chiếm sử dụng luôn phần đất có chiều ngang 2m dài hết đất mà trước đây anh B chừa ra để đi ra trại heo phía sau đất và ông L, bà Thu H đã xây tường rào kiên cố bằng bê tông chiều cao 2m một đoạn phía cuối đất, ông L và bà Thu H đã nhổ bỏ hàng rào trụ bê tông mà anh B làm trên đất. Nay đo đạc thể hiện trên bản đồ, diện tích đất của anh B mà ông L và bà Thu H lấn chiếm có diện tích 255,5 m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 -1) tại Bản đồ hiện trạng khu đất số 3111/2018 (hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X L đo vẽ và ký phát hành ngày 30/8/2018. Nay anh B yêu cầu ông L và bà Thu H phải trả lại cho vợ chồng anh diện tích đất lấn chiếm trên.

Bị đơn, ông Nguyễn Thái L trình bày:

Thửa đất có diện tích 4.644,6 m² thuộc thửa số 40 tờ bản đồ số 95 (mới) xã X T, huyện XL, tỉnh Đồng Nai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L vào ngày 08/02/2017, đất có nguồn gốc vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị L. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông L đã thấy phía đất giáp với đất anh B có 01 hàng rào trụ bê tông phân ranh, mỗi cọc cách nhau 3 - 4m, ông L nghĩ rằng hàng rào trụ bê tông này là ranh giới đất giữa

ông và anh B. Khi xây hàng rào, ông L có nhờ ông Bùi Doãn T liên lạc kêu anh B tới đất để xác nhận thống nhất ranh giới nhưng anh B không đến. Để kịp tiến độ, ông L vẫn xây hàng rào và đã xây cấp sát theo hàng trụ bê tông do anh B làm trên đất, ông L không cố ý lấn chiếm đất của anh B. Trong vụ án này, qua đo đạc ông L mới biết đất của anh B còn 2m ngang nữa tính từ hàng rào trụ bê tông anh B trồng trước đây trở vào phần đất giáp đất của ông L. Nay ông L có nguyện vọng được sử dụng phần đất của anh B có diện tích 121,4 m² được giới hạn bởi các mốc (1,2,a,6,7,8-1) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X L đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019 mà ông L đã lỡ xây hàng rào kiên cố, bởi vì nếu đập bỏ sẽ gây lãng phí và thiệt hại cho ông L. Trị giá phần diện tích đất này là 14.568.000 đồng (121,4 m² x 120.000 đồng/m²), nhưng ông L tự nguyện thanh toán cho anh B và chị H số tiền 30.000.000 đồng. Còn diện tích 134,1 m² được giới hạn bởi các mốc (a,3,4,6,7-a) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X L đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019. Ông L sẽ trả lại phần đất này cho anh B và chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là vợ của anh B, chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh B. Chị H không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị là vợ của anh L, chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của anh L. Chị Thu H không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử 02 tháng theo luật định, đảm bảo việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử gồm có 03 Thẩm phán, các thành viên của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa có mặt đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử đảm bảo sự vô tư, khách quan giải quyết vụ án, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa phúc thẩm. các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông anh Đỗ Văn B. Buộc ông L, bà Thu H tháo dỡ bức tường xây cao 02 mét có chiều dài cấp theo đất anh B nằm trên diện tích 121,4 m² được giới hạn bởi các mốc (1,2,a,6,7,8-1) thể hiện tại bản Bỏ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X L đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019 mà ông L đã xây hàng rào kiên cố. Tổng diện tích đất ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu H đã lấn sang phần đất của ông Đỗ Văn B, bà Nguyễn Thị H là 255,5m², hiện vợ chồng ông L đã xây bức tường rào trên một phần diện tích đất lấn chiếm.

Khi xây dựng bức tường rào vợ chồng ông L không gọi ông B đến chỉ ranh, đồng thời cũng không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph (là người đã bán đất cho ông Li) hoặc địa chính xã đến để xác định ranh đất mà chỉ căn cứ vào các cọc bê tông mà ông B đã chôn trước đó để xây tường rào là sai, còn việc ông L khai có nhờ ông Ph đến chỉ ranh và nhờ người gọi ông L đến để xác định ranh giới nhưng các vấn đề này không được ông Ph, ông L thừa nhận và ông L không có chứng cứ gì để chứng minh việc này (bút lục số: 08, 128). Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/9/2018 ông Nguyễn Thái L, bà Nguyễn Thị Thu H cũng đồng ý đập bỏ bức tường rào để trả lại đất cho ông Đỗ Văn B (bút lục: 91). Từ những phân tích nêu trên cần trả lại diện tích 255,5m² đất cho vợ chồng ông Đỗ Văn B mà vợ chồng ông Nguyễn Thái L đã lấn chiếm và đập bỏ bức tường xây là phù hợp.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai: Căn cứ khoản 2 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn B. Sửa bản án sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo

Ông Đỗ Văn B đơn kháng cáo và và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình đề nghị buộc bị đơn phải trả lại nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm được đo đạc cụ thể là 255,5 m². Bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

[2] Về nội dung kháng cáo

[2.1] Về phạm vi giải quyết phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 32/2019/DSST, ngày 21.11.2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.

[2.2] Thửa đất số 40 tờ bản đồ số 95 (mới) xã X T, huyện X L được UBND huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị H vào ngày 30/6/2014 (gọi tắt là thửa đất số 40); thửa đất số 39 tờ bản đồ số 95 (mới) xã X T, huyện X L được Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái L vào ngày 08/02/2017 (gọi tắt là thửa đất số 39).

Anh B trình bày trước đây trên đất thuộc quyền sử dụng của mình, anh có làm hàng rào trụ bê tông lưới B40 nhưng làm lù vào trong đất mình 2m để cùng ông Ph (ba vợ) làm đường đi chung ra đất phía sau làm trại heo. Sau đó, anh B dời đi nơi khác sinh sống, không còn ở trên đất này nữa và anh B đã tháo lưới B40, nhưng còn để lại hàng trụ bê tông trên đất, anh B cũng không dời hàng trụ bê tông về đúng ranh đất của anh mà vẫn để nguyên như vậy. Sau một thời gian thì anh nghe ông Ph bán đất cho ông L và bà Thu H, anh cũng không đến thông báo cho ông L và bà Thu H biết ranh đất của anh còn ra phía ngoài hàng trụ bê tông khoảng 2m ngang nữa.

Căn cứ quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính thì thông tin pháp lý, hình thể và ranh giới về thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận đã cấp đổi. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và kết quả đo đạc thể hiện, cùng sự thừa nhận của vợ chồng ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị Thu H xác định đã chiếm hữu, sử dụng tổng phần đất có diện tích 255,5 m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 - 1) thuộc thửa đất số 40 tờ bản đồ 95 (mới) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B và chị H.

[2.3] Lời trình bày ông L, bà H xác định ông bà sử dụng 255,5 m² phần đất trên của anh B và chị H là do nhầm lẫn chứ không cố ý lấn chiếm. Xét khi sử dụng đất để kịp tiến độ xây dựng, ông L vẫn xây hàng rào và đã xây cặp sát theo hàng trụ bê tông do anh B làm có trên đất và tại thời điểm ông L chuẩn bị xây hàng tường bê tông kiên cố; mặc dù lúc này ông L chưa phân định rõ đất của ông B tới cột mốc nào nhưng ông L vẫn quyết định xây dựng dẫn tới ông tự tiện xây trên phần đất không do ông nhận chuyển nhượng mà là đất thuộc tài sản của ông B là xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của chủ sử dụng hợp pháp đất liền kề. Ông L trình bày có nhờ ông Bùi Doãn T liên lạc kêu anh B tới để xác nhận thống nhất ranh giới đất, anh B không đến nhưng không có chứng cứ chứng minh (BL 30, 158). Việc ông L thiếu trách nhiệm xem xét kỹ đã tiến hành xây dựng tường bê tông trên một phần đất của ông B, do vậy ông B không phải chịu trách nhiệm về việc lãng phí, thiệt hại về tài sản của ông L đã xây dựng trong phần đất tranh chấp có diện tích là 121,4 m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, a, 6, 7, 8 - 1) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/6/2018).

Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử phúc thẩm đã kiên trì vận động ông B giao phần đất 121,4 m² cho ông L tiếp tục sử dụng và nhận giá trị đất từ ông L thanh toán 40.000.000 đồng nhưng ông B không đồng ý nên cần buộc ông L, bà Thu H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản và công trình xây dựng (bê tông) có trên diện tích đất 121,4 m² nằm trong tổng diện tích đất 255,5 m² thuộc quyền sử dụng của ông B (kết cấu xây dựng, kích thước theo Chứng thư thẩm định giá số 31/TĐG-CT ngày 04/02/2019 (bút lục: 120-123) được giới hạn bởi các mốc (1,2,a,6,7,8-1) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất

đại tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh XL đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019 và Bản đồ hiện trạng khu đất số 3111/2018 (Hợp đồng số 2339/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X L đo vẽ và ký phát hành ngày 30/8/2018 để trả lại đất này cho ông B.

Đối với phần đất có diện tích 134,1 m² còn lại thì không có tài sản xây dựng gì khác trên đất được giới hạn bởi các mốc (a,3,4,6-a) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh XL đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019 (bút lục 132) thì buộc ông L và bà Thu H phải trả lại phần đất này cho anh B và chị H như án sơ thẩm đã tuyên buộc là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá: Anh B đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc là 2.262.000 đồng (*hai triệu hai trăm sáu hai ngàn*) đồng, tạm ứng chi phí định giá là 7.600.000 (*bảy triệu sáu trăm ngàn*) đồng, tổng cộng là 9.862.000 đồng (*chín triệu tám trăm sáu hai ngàn*) đồng. Yêu cầu khởi kiện của anh B được chấp chận, nên ông L phải thanh toán lại cho anh B tiền tạm ứng chi phí tố tụng anh B đã nộp số tiền là 9.862.000 (*chín triệu tám trăm sáu hai ngàn*) đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh B được chấp nhận, nên ông L phải chịu án phí. Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn B; Sửa bản án sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 21.11.2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Các điều 105, 107, 166, của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn B.

2- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thái L và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả lại cho vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị H phần đất có tổng diện tích 255,5m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 6, 7, 8 - 1) thể hiện bản đồ hiện trạng khu đất số 3111/2018 (Hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc đo vẽ và ký phát hành ngày 30/8/2018. Đồng thời buộc ông L, bà H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản và công trình xây dựng (bê tông) trên diện tích đất 121,4 m² nằm trong tổng diện tích 255,5m² (có kết cấu xây dựng, kích thước theo Chứng thư thẩm

định giá số 31/TĐG-CT ngày 04/02/2019) được giới hạn bởi các mốc (1,2,a,6,7,8 -1) thể hiện tại bản Bổ sung số liệu đo đạc (kèm theo hợp đồng số 2339/2018 ngày 15/06/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc đo vẽ và ký phát hành ngày 17/01/2019 và Bản đồ hiện trạng khu đất số 3111/2018 (Hợp đồng số 2339/2018) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc đo vẽ và ký phát hành ngày 30/8/2018.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Thái L phải thanh toán cho anh Đỗ Văn B chi phí đo đạc, định giá với số tiền là 9.862.000 (*chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn*) đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thái L phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Đỗ Văn B 600.000 (*sáu trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 000405 ngày 31/10/2017 và Biên lai số 0003362 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án trả tiền thì người có nghĩa vụ thi hành án trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HÀ THỊ THANH NỮ